

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 192/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025;

Căn cứ các quyết định của UBND tỉnh số: 5318/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Thanh Hóa; 02/2020/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 về việc ban hành Quy định các biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 192/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025; 21/QĐ-UBND ngày 03/01/2020 về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2020;

Xét đề nghị của liên ngành: Tài chính - Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 711/TTr-LN: SNN&PTNT-STC ngày 25 tháng 02 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2020, với các nội dung chính như sau:

1. Tổng diện tích đất tích tụ được hỗ trợ đợt này: 2.494,4 ha.

Trong đó:

- Nhóm: Cây rau, cây hoa, cây dưa và tôm he chân trắng: 480,2 ha.

- Nhóm: Cây ăn quả, cây dược liệu: 697,2 ha.
- Nhóm: Cây lúa, cây mía, cây thức ăn chăn nuôi: 1.317,0 ha.

2. Kinh phí thực hiện

2.1. Tổng kinh phí phân bổ đợt này để hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh năm 2020 là 31.539 triệu đồng (*ba mươi một tỷ năm trăm ba mươi chín triệu đồng*); trong đó:

a. Kinh phí hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao: 31.339 triệu đồng, gồm:

- Nhóm: Cây rau, cây hoa, cây dưa và tôm he chân trắng: 11.382 triệu đồng.
- Nhóm: Cây ăn quả, cây dược liệu: 13.372 triệu đồng.
- Nhóm: Cây lúa, cây mía, cây thức ăn chăn nuôi: 6.585 triệu đồng.

b. Kinh phí quản lý chương trình: 200 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2.2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí thực hiện chính sách tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao; chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

- Lập và phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí hỗ trợ đảm bảo không vượt số kinh phí được giao; tổ chức triển khai thực hiện, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng và thanh quyết toán theo quy định hiện hành; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và tính pháp lý của hồ sơ có liên quan; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT để theo dõi giám sát.

- Tiếp tục vận động, tuyên truyền, khuyến khích các đối tượng tham gia thực hiện chính sách trên địa bàn.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thực hiện đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách của các địa phương.

- Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan tiếp tục tuyên truyền, vận động, khuyến khích các đối tượng tham gia thực hiện chính sách.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo tình hình và kết quả thực hiện chính sách, gửi về Sở Tài chính trước ngày 30/9/2020.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm cấp bổ sung kinh phí để thực hiện chính sách; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện thẩm tra quyết toán, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, NN. (117.2020)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền



TỔNG HỘI SỞ CHẾ ĐÓNG DẤU: HIỆN CHỈ SÁCH KHUYẾN KHÍCH TÍCH TỤ, TẬP TRUNG ĐẠT ĐAI
ĐỀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP LỚN, ƯNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRÊN ĐỊA BÀN THỊ THANH HÓA NĂM 2020

Đảm và tính. Truân dòng

Số TT	Đơn vị	Tổng kinh phí hỗ trợ đợt này	Trong đó:																				Kinh phí quản lý chương trình
			Kinh phí hỗ trợ để tự, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao																				
			Trong đó:																				
			Nhóm: Cây rau, cây hoa, cây dưa và tôm he chân trắng										Nhóm: Cây ăn quả, cây dược liệu						Nhóm: Cây lúa, cây mía, cây thức ăn chăn nuôi				
			Tổng số		Trong đó:								Tổng số		Trong đó				Thuế quyền sử dụng đất				
					Sản xuất ứng dụng công nghệ cao				Sản xuất theo hướng công nghệ cao						Chuyển nhượng		Thuế quyền sử dụng đất						
					Chuyển nhượng		Thuế quyền sử dụng đất		Chuyển nhượng		Thuế quyền sử dụng đất												
Diện tích (ha)	Kinh phí	Diện tích (ha)	Kinh phí	Diện tích (ha)	Kinh phí	Diện tích (ha)	Kinh phí	Diện tích (ha)	Kinh phí	Diện tích (ha)	Kinh phí	Diện tích (ha)	Kinh phí	Diện tích (ha)	Kinh phí	Diện tích (ha)	Kinh phí	Diện tích (ha)	Kinh phí				
TỔNG SỐ	31.539	2.494,4	31.339	480,2	11.382	37,1	5.565	47,6	952	14,0	1.050	381,5	3.815	697,2	13.372	134,0	7.740	563,2	5.632	1.317,0	6.585	200	
1	Thành phố Thanh Hóa	111	7,8	111	3,3	66			3,3	66				4,5	45			4,5	45				
2	Thành phố Sầm Sơn	66	3,3	66	3,3	66			3,3	66													
3	Thị xã Bùn Sơn	50	5,0	50	5,0	50						5,0	50										
4	Huyện Hà Trung	450	65,0	450	10,0	100						10,0	100	15,0	150			15,0	150	40,0	200		
5	Huyện Hậu Lộc	7.000	225,0	7.000	135,0	6.550	35,0	5.250	30,0	600			70,0	700						90,0	450		
6	Huyện Hoàng Hoa	928	86,4	928	86,4	928			6,4	128			80,0	800									
7	Huyện Quảng Xương	1.775	290,0	1.775	65,0	650							65,0	650						225,0	1.125		
8	Huyện Tĩnh Gia	600	60,0	600	60,0	600							60,0	600									
9	Huyện Nông Cống	820	77,5	820	24,5	455	1,5	225					23,0	230	20,0	200			20,0	200	33,0	165	
10	Huyện Đông Sơn	182	5,2	182	5,2	182	0,6	90	4,6	92													
11	Huyện Triệu Sơn	3.630	51,0	3.630	7,0	330					4,0	300	3,0	30	44,0	3.300	44,0	3.300					
12	Huyện Thọ Xuân	2.875	350,0	2.875										225,0	2.250			225,0	2.250	125,0	625		
13	Huyện Yên Định	3.050	390,0	3.050	10,0	750					10,0	750		80,0	800			80,0	800	300,0	1.500		
14	Huyện Thiệu Hóa	1.150	169,0	1.150	5,0	50							5,0	50	4,0	300	4,0	300			160,0	800	
15	Huyện Vĩnh Lộc	1.525	198,5	1.525	15,5	155							15,5	155	91,0	910			91,0	910	92,0	460	
16	Huyện Thạch Thành	326	32,6	326										32,6	326			32,6	326				
17	Huyện Cẩm Thủy	745	114,5	745	28,5	285							28,5	285	6,0	60			6,0	60	80,0	400	
18	Huyện Như Thanh	186	18,6	186										18,6	186			18,6	186				
19	Huyện Quan Hoa	40	4,0	40	1,5	15							1,5	15	2,5	25			2,5	25			
20	Huyện Thường Xuân	1.030	161,0	1.030	10,0	100							10,0	100	29,0	320	6,0	90	23,0	230	122,0	610	
21	Huyện Như Xuân	1.050	130,0	1.050	5,0	50							5,0	50	75,0	750	30,0	300	45,0	450	50,0	250	
22	Huyện Quan Sơn	3.750	50,0	3.750										50,0	3.750	50,0	3.750						
23	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	200																				200	